

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 02 - 2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Liễu và ông Lê Đình Khôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương A C (tên gọi khác: Lương A C1) – sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ C, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Phạm Thị T – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ C, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*anh C có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lương A C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 và được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng nhau tại khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó cuộc sống chung không hạnh

phúc và từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là:

- + Lương Đình K – sinh ngày: 20/6/2009.
- + Lương Đình K1 – sinh ngày: 21/7/2011.
- + Lương Đình H – sinh ngày: 26/12/2013.

Từ khi vợ chồng anh ly thân đến nay, các con chung do anh trực tiếp nuôi dưỡng và đang được chăm sóc, giáo dục tốt. Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm rẫy tại địa phương, thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với chị Phạm Thị T: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập chị T đến Tòa án làm việc nhưng chị T không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh C và chị T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh L A C được ly hôn với chị Phạm Thị T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 03 con chung là Lương Đình K – sinh ngày: 20/6/2009, Lương Đình K1 – sinh ngày: 21/7/2011, Lương Đình H – sinh ngày: 26/12/2013 cho anh L A C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và kê khai không có nợ chung. Hiện nay vắng mặt chị T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Lương A C phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lương A C khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Phạm Thị T. Chị T đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Anh Lương A C và chị Phạm Thị T là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh C và chị T kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 14/3/2011. Nay anh C yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2011. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C yêu cầu ly hôn với lý do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập chị T đến Tòa án để hòa giải nhưng chị T không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của chị T không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau.

Xét thấy hôn nhân của anh C và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương A C là cho chị được ly hôn với chị Phạm Thị T.

[3.2]. Về con chung: Anh C và chị T có 03 con chung là:

- + Lương Dĩnh K – sinh ngày: 20/6/2009.
- + Lương Dĩnh K1 – sinh ngày: 21/7/2011.
- + Lương Dĩnh H – sinh ngày: 26/12/2013.

Anh C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Xét thấy, bản thân anh C có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi anh C và chị T sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng anh C và được anh C chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt. Ngoài ra, các con chung đều có nguyện vọng sống cùng với anh C. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cả 03 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và kê khai không có nợ chung. Hiện nay vắng mặt chị T nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh L A C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương A C. Cho anh Lương A C được ly hôn chị Phạm Thị T.

2. Về con chung: Anh C và chị T có 03 con chung là:

+ Lương Đình K – sinh ngày: 20/6/2009.

+ Lương Đình K1 – sinh ngày: 21/7/2011.

+ Lương Đình H – sinh ngày: 26/12/2013.

Giao cả 03 con chung cho anh L A C trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Phạm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Anh Lương A C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013643 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh C và chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 46, cấp ngày 14/3/2011);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi